

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-PT

Ngày: 29 – 01 - 2026

V/v tranh chấp về chia tài sản chung
và chia di sản thừa kế theo pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hà

Ông Trần Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 252/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày: 03/03/1964; Số CCCD: 052164015358; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Ông Lý Văn G, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu phố L, phường H, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn D, xã Q, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T: Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Đ, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đ: Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Chị Phạm Thị N1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Anh Phạm Xuân B, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Phạm Thị N1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Mỹ P, sinh năm 1997; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Phạm Thị N1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Thanh T2, sinh năm 2001; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Cháu Phạm Bùi Duy A, sinh năm 2014; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu A: Chị Phạm Thị N1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 15/10/2007 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số phát hành: AL 043082, số vào sổ GCN: H05269 cấp hộ bà Phạm Thị P1 quyền sử dụng thửa đất số 375, tờ bản đồ số 10, diện tích 578m² đất trồng cây hàng năm khác (thửa đất số 375). Tại thời điểm cân đối giao quyền, hộ bà Phạm Thị P1, gồm có 05 nhân khẩu gồm có: Phạm Thị P1, Phạm K, Nguyễn Thị N, Phạm Thị N1, Phạm Xuân B.

Năm 2022, thực hiện Dự án xây dựng khu tái định cư, điểm tái định cư số 7, đường bộ cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2021 - 2025 đoạn Quảng Ngãi - H (tại địa phận phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định), thửa đất số 375 của hộ gia đình bà P1 nằm trong diện thu hồi, bồi thường và hỗ trợ tái định cư đã được Hội đồng GPMB thị xã H có bản phương án áp giá đền bù thửa đất nói trên với tổng số tiền là 219.627.400đ. Hội đồng GPMB và UBND phường H chưa chi trả tiền bồi thường giá trị thửa đất vì bà Phạm Thị T khiếu nại bà T và con của bà T có nhân khẩu trong hộ bà Phạm Thị P1 nên có phần trong số tiền đền bù. Hiện tiền đền bù đã được gửi vào Kho bạc Nhà nước, chờ giải quyết xong vụ việc mới được giải ngân.

Bà yêu cầu chia số tiền đền bù thửa đất số 375 là 219.627.400đ cho các thành viên trong hộ gia đình bà Phạm Thị P1 khi Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế của bà P1 để lại trong số tiền bồi thường của thửa đất số 375, tờ bản đồ số 10 tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N xác nhận bà đã nhận 130.000.000 đồng tiền đền bù thửa đất số 375.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Ngọc T1 trình bày:

Theo xác nhận nhân khẩu của Công an phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định: Bà Phạm Thị P1, sinh năm 1933 ở thôn T, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định là chủ hộ khẩu số 000853. Tại thời điểm ngày 07/5/1993 hộ bà P1 gồm có 04 nhân khẩu gồm Phạm Thị P1, Phạm K, Phạm Thị T và Nguyễn Minh H. Do đó, tiền bồi thường thửa đất số 375 chia cho các nhân khẩu mà Công an phường H cung cấp là Phạm Thị P1, Phạm K, Phạm Thị T và Nguyễn Minh H và chia di sản thừa kế phần bà P1 trong số tiền được đền bù.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Phạm Ngọc T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đ trình bày: Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bị đơn, không bổ sung gì khác.

- Chị Phạm Thị N1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Xuân B, chị Phạm Thị Mỹ P trình bày: Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không bổ sung gì khác.

- Chị Phạm Thị Thanh K1: Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không bổ sung gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai), quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về chia số tiền bồi thường của thửa đất số 375, tờ bản đồ số 10 tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định và chia di sản thừa kế di sản bà Phạm Thị P1 để lại là số tiền được hưởng của thửa đất số 375, tờ bản đồ số 10 tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

1.1 Giao cho bà Nguyễn Thị N được nhận số tiền 177.826.132 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn một trăm ba mươi hai đồng).

1.2 Giao cho bà Phạm Thị T được nhận số tiền 13.527.594đ (mười ba triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

1.3 Giao cho ông Phạm Đ được nhận số tiền 13.527.594đ (mười ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng).

1.4 Giao cho chị Phạm Thị Thanh T2 được nhận số tiền 12.784.075đ (mười hai triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/9/2024, bị đơn Phạm Thị T yêu cầu xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng thống nhất như Bản án sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn nhưng trừ lại số tiền 130.000.000đ bà N đã nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Phạm Thị N1, anh Phạm Xuân B, chị Phan Thị Mỹ P2, cháu Phạm Bùi Duy A, chị Phạm Thị Thanh T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N1, anh B, chị P2, cháu A, chị T2.

[2] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị T về việc xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về đất:

Ngày 01/8/1997 UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: 02488/QSDĐ/A8 cho hộ bà Phạm Thị P1, trong đó có thửa đất số 276, tờ bản đồ số 6, diện tích 486m², địa chỉ: H, H, Bình Định.

Theo Bản đồ V – 2000, thửa đất số 276, tờ bản đồ số 6 là thửa đất số 375, tờ bản đồ số 10. Ngày 15/10/2007 UBND huyện H cấp đổi GCNQSD số phát hành: AL 043082, số vào sổ GCN: H05269 cho hộ bà Phạm Thị P1 thửa đất số 375, tờ bản đồ số 10, diện tích 578m² đất trồng cây hàng năm khác (thửa đất số 375), địa chỉ: T, H, H, Bình Định.

[2.2] Nhân khẩu được cấp đất:

Bà Phạm Thị T nại, tại thời điểm ngày 07/5/1993 hộ bà Phạm Thị P1 - chủ hộ theo hộ khẩu số 000853 có 04 nhân khẩu gồm: Bà Phạm Thị P1, ông Phạm K, bà Phạm Thị T và anh Nguyễn Minh H. Nhưng tại Đơn xin xác nhận ngày 01/12/2022 của bà T (Bút lục 25): “Năm 1990 kết hôn với ông Nguyễn Văn X, hộ khẩu thường trú: Xóm A, An Quý N2, H, Hoài N3 nhưng không chuyển khẩu về xã H. Con thứ nhất Nguyễn Minh H1, sinh ngày 09/11/1990 nhập khẩu vào theo cha: Xóm A, An Quý N2, H, H. Con thứ hai Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/12/1992 nhập khẩu theo mẹ: T, Hoài H2, H.

Nhưng kết quả xác minh tại Văn bản số 2230/UBND-TNMT ngày 15/7/2024 của UBND thị xã H và Báo cáo 195/BC-UBND ngày 8/7/2024 UBND xã H (Bút lục 140-141): Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành kèm theo quy định về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất đất nông nghiệp, bà Phạm Thị T không được cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã H. Tại thời điểm trên, bà Phạm Thị T tuy hộ khẩu vẫn còn ở xã H nhưng đã lấy chồng về xã H từ trước năm 1993. Người có tên trong hộ khẩu chỉ là một điều kiện xác định thành viên trong hộ. Chỉ cấp đất nông nghiệp cho người có hoạt động sản xuất, canh tác, sử dụng ổn định lâu dài trên đất nông nghiệp đó. Do đó, UBND thị xã H và UBND xã H xác nhận bà T thuộc đối tượng không được giao đất nông nghiệp tại địa phương là đúng quy định tại Điều 7 Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ.

Và Ủy ban nhân dân thị xã H xác định tại Công văn số 416/UBND-TNMT ngày 02/02/2024: Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành kèm theo bản quy định về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Hộ bà Phạm Thị P1 được xét cân đối và Ủy ban nhân dân huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa số 276, tờ bản đồ số 06 (bản đồ năm 1997), theo bản đồ VN-2000 là thửa đất số 375, tờ bản đồ số 10. Tại thời điểm giao quyền sử dụng thửa đất số 375, tờ bản đồ số 10 tại phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định hộ bà Phạm Thị P1 có 05 nhân khẩu gồm: Bà Phạm Thị P1, ông Phạm K, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị N1 và ông Phạm Xuân B (bút lục 85) là phù hợp với Đơn xin đăng ký ruộng đất của bà Phạm Thị P1 (bút lục 83): số nhân khẩu 5 (trong đó 5 nhân khẩu nông nghiệp).

Do đó, cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 375 được cấp cho 05 nhân khẩu gồm: Bà Phạm Thị P1, ông Phạm K, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị N1 và ông Phạm Xuân B là có cơ sở.

[3] Bồi thường, hỗ trợ thu hồi thửa đất số 375:

Tại Điều 1 của Quyết định số 18663/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND thị xã H, thu hồi 334,4m² đất trồng cây hằng năm khác của hộ bà Phạm Thị P1, thường trú tại: khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định, thuộc một phần thửa đất số 375, tờ bản đồ số 10, phường H (Bút lục A). Lý do thu hồi: Để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án thành phần đoạn Q - H thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc – N, phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 (đoạn qua địa phận phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định)

Tại Điều 1 của Quyết định số 19403/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND thị xã H (Bút lục 118), hộ bà Phạm Thị P1 được bồi thường, hỗ trợ 217.665.400 đồng, trong đó: Bồi thường, hỗ trợ đối với đất đai: 202.913.920 đồng; bồi thường cây cối, hoa màu 2.979.480 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống: 11.772.000 đồng.

Tiền bồi thường cây cối, hoa màu 2.979.480 đồng: Bồi thường cho cá nhân có cây cối, hoa màu trên đất. Bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp canh tác nên bà N được nhận toàn bộ tiền bồi thường.

Tiền hỗ trợ ổn định đời sống 11.772.000 đồng: Theo điểm c khoản 3 Điều 34 Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh B, hỗ trợ cho các cá nhân có tên trong sổ hộ khẩu gia đình được xác định tại thời điểm kiểm đếm lập phương án bồi thường, gồm có 06 nhân khẩu: Bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị N1, anh Phạm Xuân B, chị Phạm Thị Mỹ P, chị Phạm Thị Thanh T2 và cháu Phạm Bùi Duy . Do đó, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị N1, anh Phạm Xuân B, chị Phạm Thị Mỹ P, chị Phạm Thị Thanh T2 và cháu Phạm Bùi Duy A mỗi người được nhận 1.962.000 đồng.

Tiền bồi thường, hỗ trợ đối với đất đai 202.913.920 đồng: là tiền trả lại giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi cho người sử dụng đất theo quy định khoản 12 Điều 3 Luật Đất đai nên số tiền này thuộc tài sản chung của 05 khẩu được cấp đất. Do đó, bà Phạm Thị P1, ông Phạm K, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị N1 và ông Phạm Xuân B mỗi người được nhận số tiền 40.582.784 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N thừa nhận đã nhận 130.000.000 đồng và phù hợp với kết quả xác minh tại Công văn số 183/UBND-ĐĐ ngày 23/01/2026 của UBND phường H: Ngày 22/12/2023 bà Nguyễn Thị N đại diện hộ bà Phạm Thị P1 đã nhận 130.000.000 đồng theo bảng thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng gồm: 20.000.000 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ đất đai; 2.979.480 đồng tiền bồi thường cây cối, hoa màu; 107.020.520 đồng kinh phí hỗ trợ. Số tiền này bà N đang giữ và chưa chia lại cho các nhân khẩu trong hộ gia đình bà Phạm Thị P1. Còn lại 87.665.400đ.

[4] Chia tài sản chung và chia thừa kế:

[4.1] Bà Phạm Thị P1 chết ngày 08/10/2017 không để lại di chúc nên di sản bà P1 chia cho hàng thừa kế thứ nhất, gồm: Ông Phạm K, ông Phạm Đ, bà Phạm Thị T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự.

Di sản của bà P1 để lại: 40.582.784 đồng/3. Ông Phạm K, ông Phạm Đ, bà Phạm Thị T mỗi người được chia 13.527.594 đồng.

[4.2] Ông Phạm K chết ngày 10/7/2019 không để lại di chúc nên di sản của ông K được chia cho hàng thừa kế thứ nhất, gồm: Bà Nguyễn Thị N, chị Phạm Thị N1, anh Phạm Xuân B, chị Phạm Thị Mỹ P và chị Phạm Thị Thanh T2 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự.

Di sản của ông K để lại: 40.582.784 đồng + 13.527.594 đồng = 54.110.378 đồng/5. Bà Nguyễn Thị N, chị Phạm Thị N1, anh Phạm Xuân B, chị Phạm Thị Mỹ P và chị Phạm Thị Thanh T2 mỗi người được chia 10.822.075 đồng.

[4.3] Bà Nguyễn Thị N được nhận 56.346.339 đồng = 51.404.829 đồng + 1.962.000 đồng + 2.979.480 đồng. Chị Phạm Thị N1, anh Phạm Xuân B, mỗi người nhận 53.366.859 đồng = 1.962.000 đồng + 40.582.784 đồng + 10.822.075 đồng. Chị Phạm Thị Mỹ P được nhận 12.784.075 đồng. Cháu Phạm Bùi Duy A được nhận 1.962.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phạm Thị N1, anh Phạm Xuân B, chị Phạm Thị Mỹ P và cháu Phạm Bùi Duy A giao phần của mình cho bà Nguyễn Thị N sở hữu. Tổng cộng bà N được nhận: 177.826.132 đồng. Bà N đã nhận 130.000.000 đồng. Bà N còn được nhận 47.826.132 đồng = 177.826.132 đồng - 130.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị T, ông Phạm Đoàn M người nhận 13.527.594 đồng.

Chị Phạm Thị Thanh T2 được nhận 12.784.075 đồng.

[5] Án phí DSPT:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 584, 585, 592 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T. .

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai).

- Bà Nguyễn Thị N được nhận 47.826.132 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn một trăm ba mươi hai đồng).

- Bà Phạm Thị T được nhận số tiền 13.527.594 đồng (Mười ba triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Ông Phạm Đ được nhận số tiền 13.527.594 đồng (Mười ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng).

- Chị Phạm Thị Thanh T2 được nhận số tiền 12.784.075 đồng (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006704 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Gia Lai).

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND KV6 - Gia Lai;
- Phòng THADS KV6 - Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thu